



Nguyên lý Kế toán (Introduction to Accounting)

Giảng viên: Nguyễn Thị Phương Mai
Khoa: Quản trị Kinh doanh
Điện thoại: 0983.860.428
Email: maintp@ftu.edu.vn



Nội dung môn học

Chương 1: Bản chất và đối tượng của KT

Chương 2: Chứng từ KT

Chương 3: Tài khoản KT và sổ KT

Chương 4: Báo cáo tài chính



Giáo trình, tài liệu tham khảo

Giáo trình

- Lý thuyết hạch toán kế toán – trường ĐH KTQD, Học viện Tài chính, ĐH Thương mại.
- Nguyên lý kế toán – PGS.TS Võ Văn Nhị - NXB Thống kê

■ Tài liệu bắt buộc

- Luật Kế toán 2003
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam.
- Quyết định 15 QĐ/BTC ngày 20/03/2006 về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

■ Websites:

- Bộ Tài chính: www.mof.gov.vn
- Forum kế toán viên: www.webketoan.com
- Kiểm toán: www.kiemtoan.com.vn



Chương I

Bản chất và đối tượng của
kế toán



Nội dung chương

- Bản chất của Kế toán
- Đối tượng của Kế toán
- Yêu cầu của thông tin Kế toán
- Các nguyên tắc cơ bản của Kế toán
- Cơ sở pháp lý cho hoạt động Kế toán doanh nghiệp



1. Bản chất của kế toán

1.1. Khái niệm:



Kê toán là...

Một hệ thống thông tin...

Ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính

xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin

sử dụng các thông tin để ra các quyết định



Kế toán là...

Việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.

(Điều 4 - Luật kế toán 2003).



Kê toán là...

Ngôn ngữ của kinh doanh

FF

¥

\$



Ai là người sử dụng thông tin kế toán?

Người lao động

**Nhà đầu tư,
ngân hàng**

**Các nhà quản lý
cấp trung**

Khách hàng

**Các nhà quản lý
Cấp cao**

Nhà cung cấp



Phương pháp kế toán

- Phương pháp chứng từ
- Phương pháp đối ứng tài khoản
- Phương pháp tính giá
- Phương pháp tổng hợp cân đối



1.2. Chức năng của Kế toán

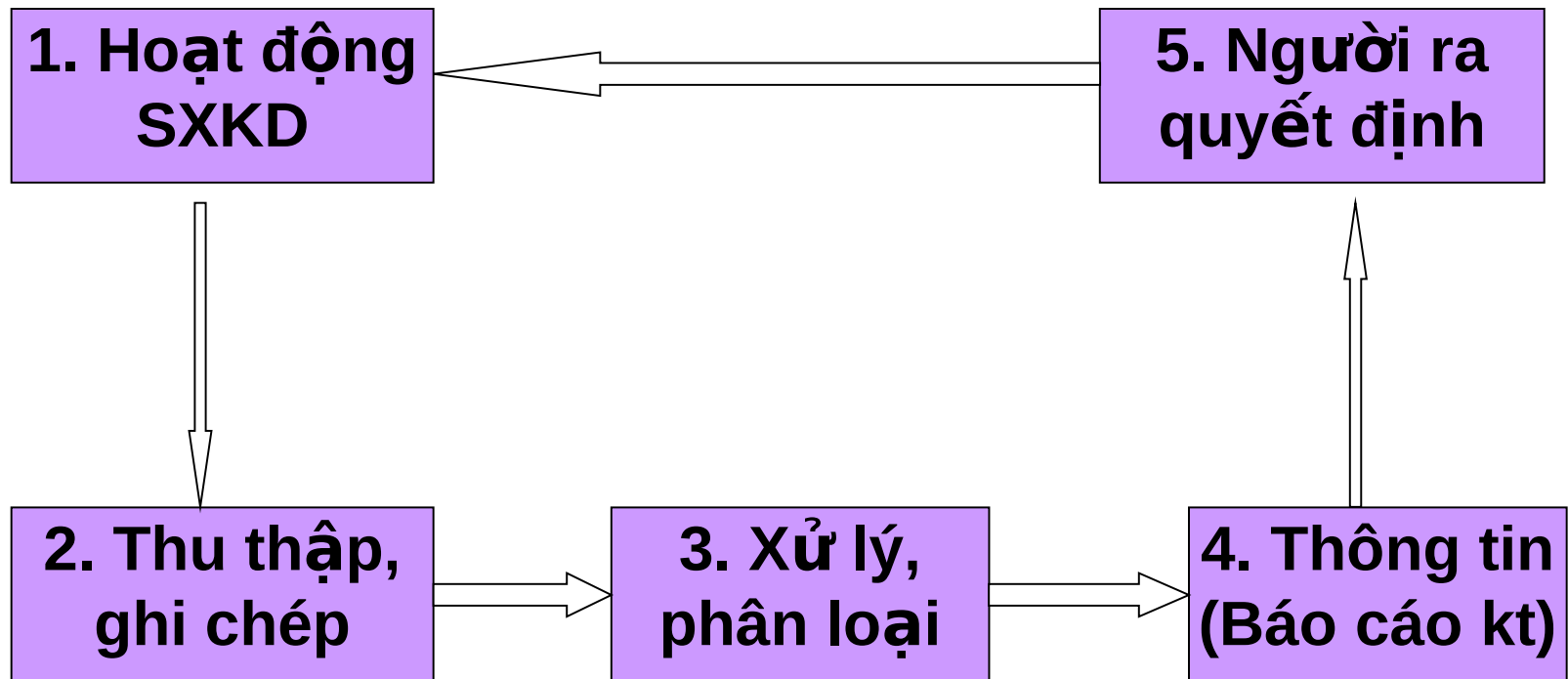
- Chức năng phản ánh
- Chức năng giám đốc
- Mối quan hệ giữa hai chức năng



1.3. Đơn vị kế toán (Điều 2-Luật KT)

- Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức có sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước;
- Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức không sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước;
- Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế;
- Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể.

Quy trình kế toán trong doanh nghiệp





1.4. Kế toán tài chính & Kế toán quản trị

- **Kế toán tài chính:** Thu thập và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính thông qua BCTC cho đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin, chủ yếu là cho đối tượng bên ngoài DN.
- **Kế toán quản trị:** Thu thập và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán



Kế toán tài chính và kế toán quản trị (*Những điểm khác nhau*)

- Về đối tượng sử dụng thông tin.
- Về đặc điểm của thông tin
- Về nguyên tắc trình bày và cung cấp thông tin.
- Về tính pháp lý.
- Về thước đo sử dụng.
- Về hệ thống báo cáo



2. Đối tượng của kế toán

Đối tượng của kế toán là Tài sản và sự vận động của tài sản trong quá trình SXKD.

- Tài sản
- Nguồn hình thành tài sản
- Sự vận động của tài sản trong quá trình SXKD.



2.1. Tài sản (Assets)

2.1.1. Khái niệm

Là nguồn lực thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp, có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho doanh nghiệp.

(Chuẩn mực kế toán 01).

VD: Đất đai, hàng hóa



Tài sản...

- Khả năng kiểm soát:
 - Thu được lợi ích kinh tế
 - Ngăn chặn đối tượng khác tiếp cận lợi ích đó
- Lợi ích kinh tế trong tương lai:
 - Sử dụng trong SXKD, cung cấp dịch vụ
 - Bán, trao đổi lấy TS khác
 - Thanh toán các khoản nợ
 - Phân phối cho các chủ sở hữu



2.1.2. Phân loại tài sản

- Tài sản dài hạn (TSCĐ)
- Tài sản ngắn hạn (TSLĐ)



Tài sản ngắn hạn (Current Assets)

Là những tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, có thời gian sử dụng, thu hồi, luân chuyển **ngắn**, (trong vòng một năm hay một chu kỳ kinh doanh).



Tài sản ngắn hạn (Current Assets)

- **Tiền và các khoản tương đương tiền:**
 - Tính lao động cao nhất
 - Gồm: Tiền mặt tại quỹ, Tiền gửi ngân hàng. Tiền đang chuyển, Các khoản tương đương tiền (Vàng, bạc, đá quý, kim khí quý)
- **Đầu tư ngắn hạn:** đầu tư chứng khoán ngắn hạn, góp vốn liên doanh, liên kết.

Trích lập dự phòng?



Tài sản ngắn hạn (Current Assets)

- **Các khoản phải thu ngắn hạn:** là tài sản của DN đang bị đối tượng khác chiếm dụng

Bao gồm: các khoản phải thu từ khách hàng, phải thu nội bộ, các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ.

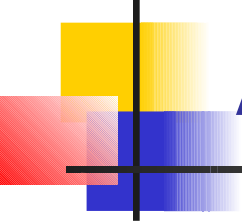
- **Hàng tồn kho:** nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa.

Trích lập dự phòng?



Tài sản ngắn hạn (Current Assets)

- Tài sản ngắn hạn khác:
 - Chi phí trả trước ngắn hạn
 - Thuế và các khoản phải thu khác của Nhà nước
 - Tạm ứng, ký quỹ, ký cược...



Tài sản dài hạn (Non-current Assets)

Là những tài sản có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp.



Tài sản dài hạn (Non-current Assets)

- Các khoản phải thu dài hạn
- Tài sản cố định: 4 tiêu chuẩn
 - Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai
 - Nguyên giá xác định một cách đáng tin cậy
 - Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm
 - Đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành



Tài sản dài hạn (Non-current Assets)

- **Tài sản cố định (Fixed Assets): 3 loại**
 - *TSCĐ hữu hình*: có hình thái vật chất cụ thể. VD: công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển...
 - *TSCĐ vô hình*: không có hình thái vật chất cụ thể nhưng xác định được giá trị. VD: quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu...
 - *TSCĐ thuê tài chính*: không thuộc quyền sở hữu của DN, chỉ thuộc quyền kiểm soát đặc biệt



Tài sản dài hạn

- ***Bất động sản đầu tư:*** cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán chứ không sử dụng trong SXKD.
- ***Đầu tư tài chính dài hạn:*** là các khoản đầu tư tài chính có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm.VD: đầu tư CK dài hạn, liên doanh, liên kết...

Trích lập dự phòng?

- ***Tài sản dài hạn khác:***
 - Chi phí trả trước dài hạn
 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại



2.2. Nguồn vốn

- **Nguồn vốn chủ sở hữu (Owners' Equity)**
- **Nợ phải trả (Liabilities)**



Vốn chủ sở hữu

Là số vốn do **chủ doanh nghiệp** hay **những bên góp vốn khác** cùng đầu tư để tiến hành hoạt động kinh doanh.

DN được quyền sử dụng nguồn vốn này một cách **ổn định, lâu dài, thường xuyên** trong suốt thời gian hoạt động.

Nghiệp vụ ảnh hưởng đến VCSH

VCSH Tăng

Chủ SH đầu tư
vào DN

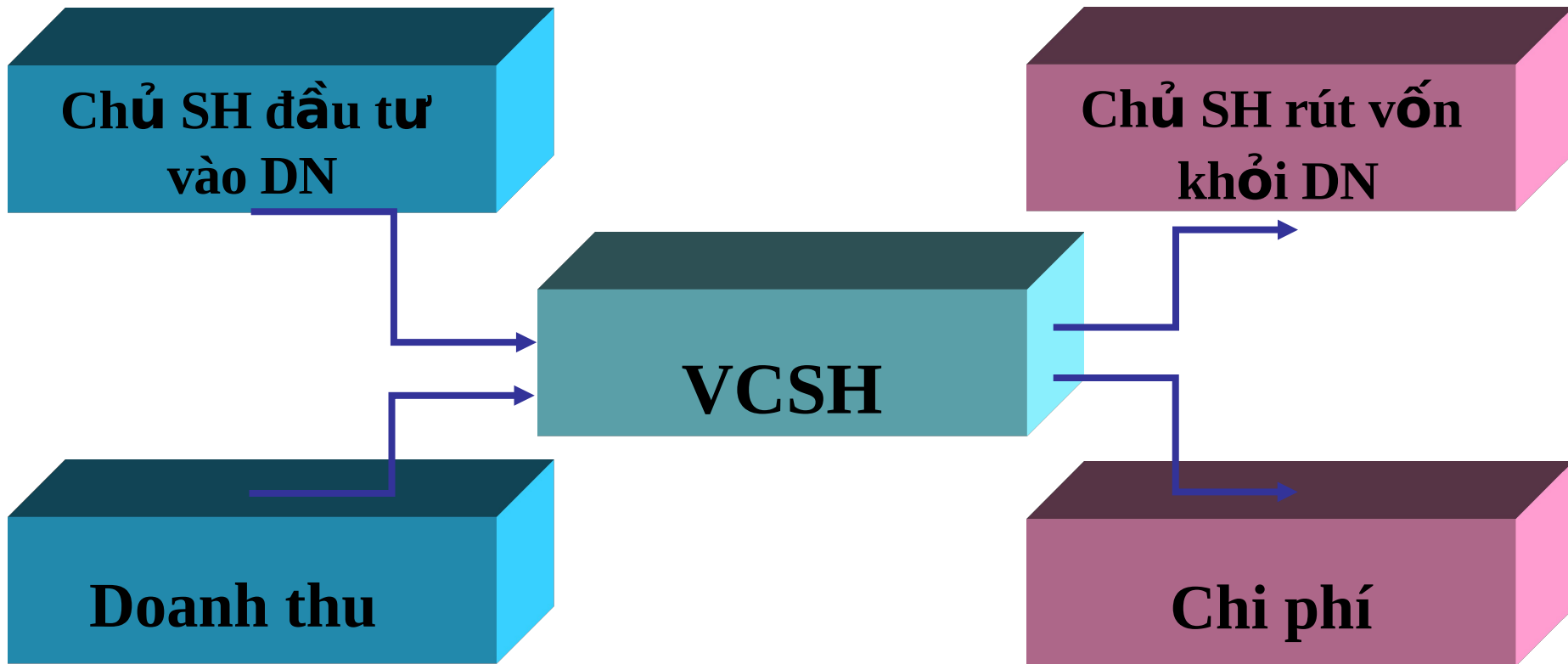
Doanh thu

VCSH

VCSH Giảm

Chủ SH rút vốn
khỏi DN

Chi phí





Vốn chủ sở hữu

- **Vốn của các chủ đầu tư:** vốn của chủ doanh nghiệp, vốn góp, vốn cổ phần, vốn Nhà nước;
- **Thặng dư vốn cổ phần:** là chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành;



Vốn chủ sở hữu

- **Các quỹ của doanh nghiệp:** quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính...
- **Lợi nhuận chưa phân phối:** là lợi nhuận sau thuế chưa chia cho chủ sở hữu hoặc chưa trích lập các quỹ;
- **Chênh lệch tỷ giá**
- **Chênh lệch đánh giá lại tài sản**



Nợ phải trả

Là nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà doanh nghiệp phải thanh toán từ các nguồn lực của mình.



Nợ phải trả

4 cách trả nợ:

- Trả bằng tiền
- Trả bằng tài sản khác hoặc cung cấp một dịch vụ
- Thay thế nghĩa vụ này bằng nghĩa vụ khác
- Chuyển đổi nghĩa vụ nợ thành vốn CSH



Nợ phải trả

- Vay ngắn hạn, dài hạn
- Phải trả nhà cung cấp
- Phải trả Nhà nước
- Phải trả cán bộ và công nhân viên
- Phải trả khác



Phương trình kế toán

Tài sản

=

Nợ phải trả + Vốn chủ sở
hữu

Vốn CSH

=

Tổng tài sản – Nợ phải trả



Sự vận động của Tài sản

DOANH THU

CHI PHÍ

KẾT QUẢ



Doanh thu

- **Doanh thu:** là tổng giá trị các Lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động SXKD thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp, góp phần làm tăng Vốn chủ SH.
 - Doanh thu bán hàng
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- **Thu nhập khác:**



Chi phí

- **Chi phí:** là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu hao tài sản...dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu.
 - Chi phí sản xuất kinh doanh
 - Chi phí tài chính
 - Chi phí khác



Kết quả

- Kết quả: là phần chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và chi phí của cùng một kỳ kế toán.

Kết quả

=

DT + Thu nhập - CP

- 3 trường hợp:
 - Kết quả > 0 : Lãi → Tăng vốn chủ sở hữu.
 - Kết quả < 0 : Lỗ → Giảm vốn chủ sở hữu.
 - Kết quả $= 0$ → Hoà vốn.



Các quan hệ pháp lý ngoài vốn

- Các hoạt động liên quan đến việc sử dụng tài sản không thuộc quyền sở hữu gọi là các mối quan hệ pháp lý ngoài vốn.
 - Đi thuê hoặc đi mượn tài sản
 - Nhận đại lý, ký gửi, gia công...



3. Yêu cầu của thông tin kế toán

- Trung thực
- Khách quan
- Đầy đủ
- Kịp thời
- Dễ hiểu
- Có thể so sánh



4. Các nguyên tắc của kế toán

Là những nguyên tắc chung được thừa nhận trong công tác kế toán (định giá các loại tài sản, ghi chép sổ sách, phương pháp soạn thảo các BCTC...) nhằm đảm bảo sự dễ hiểu, đáng tin cậy và có thể so sánh của các thông tin kế toán.



Các nguyên tắc của kế toán

- Cơ sở dồn tích
- Hoạt động liên tục
- Giá gốc
- Phù hợp
- Nhất quán
- Thận trọng
- Trọng yếu



Cơ sở dồn tích (Accrual Basic)

- Ghi sổ vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế tài chính.
- Không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc chi tiền.



Hai cơ sở thu thập số liệu kế toán

Cơ sở dồn tích:

Doanh thu và chi phí được ghi sổ khi các giao dịch phát sinh

Cơ sở tiền mặt:

Doanh thu và chi phí được ghi sổ khi thực sự có nghiệp vụ thu hoặc chi tiền



Nguyên tắc hoạt động liên tục (Going-concern)

- Cơ sở giả định là DN đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục HĐKD bình thường trong tương lai gần;
- DN không có ý định cũng như không buộc phải ngừng HĐ hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.



Nguyên tắc giá gốc (Historical Cost)

- Tài sản được ghi nhận theo giá gốc
- Giá gốc là chi phí thực tế phát sinh để có được tài sản đó



Nguyên tắc phù hợp (Matching)

- Phù hợp giữa doanh thu và chi phí.
- Doanh thu, chi phí được xác định cho từng kỳ kế toán (năm, quý, tháng).
- Chi phí tương ứng với doanh thu là:
 - Chi phí của kỳ tạo ra doanh thu;
 - Chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả liên quan đến doanh thu của kỳ.



Nguyên tắc nhất quán (Consistency)

Thống nhất về chính sách và phương pháp kế toán đã chọn ít nhất trong một kỳ kế toán năm.

VD: Xác định trị giá vốn của hàng xuất kho, có 4 phương pháp:

- FIFO hay Nhập trước, Xuất trước
- LIFO hay Nhập sau, Xuất trước
- Bình quân gia quyền
- Giá trị đích danh



Nguyên tắc thận trọng (Prudence)

Là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn.

- Phải lập dự phòng
- Tài sản và thu nhập: không đánh giá cao hơn
- Nợ phải trả và chi phí: không đánh giá thấp hơn



Nguyên tắc thận trọng (tiếp)

- Doanh thu và thu nhập: ghi nhận khi có **bằng chứng chắc chắn** về khả năng thu được lợi ích kinh tế.
- Chi phí: ghi nhận khi có **bằng chứng về khả năng phát sinh.**



Nguyên tắc trọng yếu (Materiality)

- Việc bỏ sót hoặc sai sót trọng yếu sẽ làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng BCTC.
- Mức độ trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất của các bỏ sót hoặc sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể.

(Chuẩn mực 29)



5. Nội dung cơ bản của Luật KT

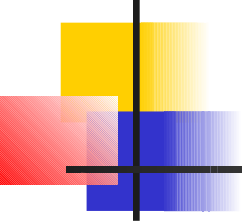
(Bao gồm 7 chương, 54 điều)

- C1 : Quy định chung.
- C2 : Nội dung của công tác kế toán
- C3 : Tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán
- C4 : Hoạt động nghề nghiệp kế toán
- C 5: Quản lý Nhà nước về kế toán
- C 6 : Khen thưởng và xử lý vi phạm
- C 7 : Điều khoản thi hành



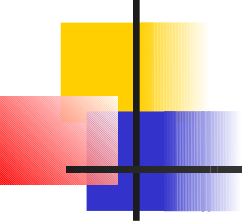
6. Chuẩn mực kế toán

Là những quy định và hướng dẫn các nguyên tắc, nội dung, phương pháp và thủ tục kế toán cơ bản, chung nhất làm cơ sở ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính nhằm đạt được sự đánh giá trung thực, hợp lý, khách quan về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.




4 chuẩn mực kế toán ban hành đợt 1 (ngày 31/12/2001)

- Chuẩn mực 02 - “Hàng tồn kho”
- Chuẩn mực 03 - “TSCĐ hữu hình”
- Chuẩn mực 04 - “TSCĐ vô hình”
- Chuẩn mực 14 - “Doanh thu và Thu nhập khác”



6 chuẩn mực kế toán ban hành đợt 2 (ngày 31/12/2002)

- Chuẩn mực số 01 – “Chuẩn mực chung”.
- Chuẩn mực số 06 – “Thuê tài sản”.
- Chuẩn mực số 10 – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.
- Chuẩn mực số 15 – “Hợp đồng xây dựng”;
- Chuẩn mực số 16 – “Chi phí đi vay”;
- Chuẩn mực số 24 – “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”;



6 chuẩn mực kế toán ban hành đợt 3 (ngày 31/12/2003)

- Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư ;
- Chuẩn mực số 07- Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết;
- Chuẩn mực số 08- Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh;
- Chuẩn mực số 21- Trình bày báo cáo tài chính;
- Chuẩn mực số 25- Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;
- Chuẩn mực số 26- Thông tin về các bên liên quan.



6 chuẩn mực kế toán ban hành đợt 4 (ngày 15/02/2005)

- Chuẩn mực số 17 – Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Chuẩn mực số 22 – Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự;
- Chuẩn mực số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Chuẩn mực số 28 – Báo cáo bộ phận;
- Chuẩn mực số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.



4 chuẩn mực kế toán ban hành đợt 5 (QĐ 100/QĐ-BTC-2005 ngày 28/12/2005)

- Chuẩn mực số 11 – “Hợp nhất kinh doanh”;
- Chuẩn mực số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”;
- Chuẩn mực số 19 – “Hợp đồng bảo hiểm”;
- Chuẩn mực số 30 – “Lãi trên cổ phiếu”.



Kết thúc chương 1
